

Bản án số: 78/2026/DS-PT

Ngày 26/3/2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thương, bà Võ Thị Hồng Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị B, địa chỉ: Tổ D, phường P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Ngô Đức N – Luật sư văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh G; địa chỉ: Số B đường L, phường D, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Á và ông Huỳnh B1, cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Á: Bà Hoàng Thị Như N1; địa chỉ: Số A đường L, phường D, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Á: bà Hứa Thị Trung N2, luật sư của Văn phòng luật sư Hứa Hoàng G thuộc đoàn luật sư tỉnh G. Có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Ánh .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. Nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà Lê Thị Á và ông Huỳnh B1 đã vay bà Trần Thị B với số tiền cụ thể như sau:

-Ngày 21/7/2021, vay số tiền 650.000.000 đồng và cam kết 30 ngày trả nợ (tức ngày 21/8/2021 sẽ trả nợ), lãi suất theo thoả thuận.

-Ngày 13/10/2021, vay số tiền 773.000.000 đồng và cam kết 20 ngày trả nợ (tức ngày 03/11/2021 sẽ trả nợ), lãi suất theo thoả thuận.

Đến hạn, bà Á, ông B1 không trả nợ, đến ngày 09/7/2024 trả được 200.000.000 và ngày 04/8/2024, trả 300.000.000 đồng

Bà B khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Lê Thị Á và ông Huỳnh B1 phải trả nợ cho bà B với số tiền 1.746.393.000 đồng, (trong đó: nợ gốc là 923.000.000 đồng và lãi là 823.393.000 đồng).

1.2. Bị đơn bà Lê Thị Á trình bày:

Bà Á cho rằng bà B khởi kiện đòi vợ chồng bà số tiền 1.746.393.000 đồng là không đúng. Bà Á đã vay tiền bà B 02 lần, lần 01 với số tiền 300.000.000 đồng, lần 02 là 350.000.000 đồng, tổng cộng 650.000.000 đồng.

Bà Á đã trả cho bà B 02 lần, lần đầu trả 200.000.000 đồng và lần sau trả thêm 300.000.000 đồng. Bà Á cho rằng chỉ còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi.

1.3. Bị đơn ông Huỳnh B1 trình bày:

Ông Huỳnh B1 vắng mặt, không đưa ra ý kiến, yêu cầu và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 274; Điều 275; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với bà Lê Thị Á và ông Huỳnh Biệp .1

1. Buộc bà Lê Thị Á và ông Huỳnh B1 phải trả cho bà Trần Thị B số tiền nợ gốc và lãi là 136.9646.500 đồng (trong đó nợ gốc là 923.000.000 đồng; tiền lãi là 446.646.500 đồng).

Kể từ ngày 17-12-2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi

suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Lê Thị Á và ông Huỳnh B1 phải nộp 53.089.395 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị B 32.195.895 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0010637 ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, bị đơn bà Lê Thị Á có đơn kháng cáo bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 650.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kèm theo, xác định bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và 123.000.000 đồng tiền lãi; hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2024 của TAND huyện Đak Đoa.

- Nguyên đơn bà Trần Thị B không kháng cáo.
- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Thừa nhận hiện đang giữ 02 giấy CNQSDĐ mang tên người đồng bào dân tộc thiểu số. Thừa nhận có biết việc người làm chứng chứng khi bà Á vay tiền.

- Bị đơn cung cấp thêm tài liệu chứng cứ là Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 4/2/2021 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; 01 USB màu vàng hiệu Kingston DTSE9 1G và 01 bản giải trình nội dung ghi âm đề ngày 24/3/2025; lời khai người làm chứng về việc vay tiền của bà Á với bà B.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 650.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kèm theo, xác định bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và 123.000.000 đồng tiền lãi; hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2024 của TAND huyện Đak Đoa.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt cho đương sự, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích của đương sự.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng trong việc trực tiếp vay tài sản.

2. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Trong việc kiện này cấp sơ thẩm xác định hai bị đơn và tuyên buộc nghĩa vụ trả nợ cho ông B1 và bà Á.

Qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ thấy :

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Thư ký Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn ông Huỳnh B1 thông qua bị đơn bà Lê Thị Á, bà Á ký nhận thay văn bản tố tụng với tư cách là “vợ của ông B1”, cam kết sẽ giao tại tận tay văn bản tố tụng đã nhận cho ông B1.

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện Đ và thôn T, xã T, huyện Đ thể hiện nội dung bà Á và ông B1 không rõ về tình trạng hôn nhân; Thôn trưởng thôn 03 xác định ông B1 bà Á đã ly hôn.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Á cung cấp quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2021 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thể hiện bà Á và ông B1 đã ly hôn.

Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định như sau:

Điều 177. Thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân

*“5. Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản và giao cho **người thân thích** có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt, thông báo. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án.”*

Khoản 19 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“19. Người thân thích là người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời.”

Như vậy, bà Á và ông B1 có thể còn chung sống một nhà nhưng đã chấm dứt quan hệ hôn nhân. Việc cấp sơ thẩm không xác minh tình trạng hôn nhân của ông B1 và bà Á, thực hiện việc tổng đạt văn bản cho ông B1 thông qua nhà Á để nhận thay là không đảm bảo quy định của pháp luật, không đảm bảo việc ông B1 biết, tiếp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bà Á khi nhận thay văn bản tố tụng, bà Á vẫn ghi trong văn bản bà là vợ của ông B1 và không thông báo về việc giữa ông bà đã ly hôn, nên đây không phải là lỗi hoàn toàn do Tòa án cấp sơ thẩm.

Người vay tiền phải có nghĩa vụ trả tiền. Ông B1 theo quyết định của án sơ thẩm có nghĩa vụ phải trả tiền cho bà B.T uy nhiên toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ không thể hiện việc ông biết về việc kiện; việc Tòa án đang giải quyết và việc phải có nghĩa vụ trả nợ.

Việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho ông B1 là chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B1.

- Xét thấy, Tại bản tự khai của bà Á thể hiện : khi vay tiền của bà B, bà có cầm cố, đưa cho bà Á 02 Giấy CNQSD đất mang tên người đồng bào dân tộc thiểu số. Tại phiên tòa phúc thẩm bà B cũng xác định hiện đang giữ hai giấy tờ này để đảm bảo khoản vay.

Trong toàn bộ tài liệu có tại hồ sơ vụ án không có chứng cứ nào được thu thập để xác định vấn đề này, cấp sơ thẩm cũng không xác định đây là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; việc giải quyết khoản nợ vay trong vụ kiện này có ảnh hưởng đến quyền lợi của họ hay không. Cấp sơ thẩm không điều tra, xác minh, để quyết định đưa hay không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để xem xét giải quyết trong vụ kiện này là chưa xác định đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng; ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Qua xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện : Ngoài 01 bản tự khai duy nhất của bà Á (BL 10°) có trong hồ sơ; bà Á trình bày số tiền vay của bà B là 650 triệu đồng, việc vay mượn là bà trực tiếp vay, trong bản khai không có bất cứ trình bày nào liên quan đến việc vay mượn từ ông B1.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày và yêu cầu cả ông B1 và bà Á phải trả khoản nợ vay. Quyết định của bản án sơ thẩm cũng tuyên buộc cả ông B1 và bà Á phải trả số tiền cả gốc và lãi là 1.369.646.500đ. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án tại giai đoạn sơ thẩm không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện biết về việc kiện để tham gia tố tụng và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Á theo quyết định của án sơ thẩm.

Đối với việc vay mượn, trong bản khai duy nhất bà Á trình bày bà có hai lần vay số tiền vay của 02 lần là 650 triệu đồng, còn giấy vay 773 triệu đồng là

giấy vay tính gộp cả lãi của số tiền 650 triệu nêu trên; bà bị buộc nhận vì bị thúc ép, bắt buộc trả nợ (sau khi thụ lý, ngoài bản tự khai nói trên thì việc giải quyết hoàn toàn vắng mặt không chỉ đối với ông B1 mà cả với bà Á).

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn đưa ra chứng cứ là lời khai người làm chứng về việc dẫn bà đến vay của bà B, biết về việc nhận tiền và đòi nợ.

Đối với khoản vay trên các đương sự đều xác định cho vay có lãi. Tuy nhiên chưa xác định mức lãi suất.

Việc vay thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên để xác định đúng bản chất của việc vay mượn; vay nhiều lần theo giấy vay hay có lãi vay gộp số tiền gốc cần thiết phải áp dụng các biện pháp thu thập, đánh giá chứng cứ theo quy định của BLTTDS như lấy lời khai của đương sự; tiến hành đối chất... để xác định sự thật của vụ kiện.

Trong vụ kiện này, cấp sơ thẩm chỉ dựa vào giấy vay, lời khai của nguyên đơn để xác định việc nợ và buộc đương sự phải trả nợ với số tiền cả gốc và lãi là 1.369.646.500đ là chưa đảm bảo.

Các vấn đề trên, cấp phúc thẩm không khắc phục được do có sự vi phạm nghiêm trọng về tổ tụng và việc thu thập, đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm trong việc giải quyết vụ kiện này. Các vi phạm này ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy kháng cáo của bị đơn và yêu cầu của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của phía bị đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 điều 308; điều 310 BLTTDS, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ vụ án cho tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Đối với chứng cứ là bản dịch về nội dung file ghi âm giữa nguyên đơn và bị đơn về việc vay mượn và trả nợ mà nguyên đơn cung cấp trong giai đoạn phúc thẩm cũng cần được xem xét, đánh giá cùng các chứng cứ khác khi giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban T ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ánh .

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Đoa, nay là Tòa án nhân dân khu vực 10- Gia Lai.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 10- Gia Lai để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

4. Về án phí: Trả lại cho bà Lê Thị Á số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001769 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai (nay là phòng thi hành án khu vực 10- Gia Lai).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 10- Gia Lai;
- Phòng THA dân sự khu vực 10- Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hà